

Bản án số : 01/2020/DS-ST
Ngày: 16/6/2020
V/v : *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm: Ông Lê Như Long và bà Nguyễn Thị Toàn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đào Xuân T; sinh năm: 1962; địa chỉ: Tổ 06, ấp 02, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Phạm Văn L; sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 27-27A, ngõ 82, đường N, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Bị đơn :* Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 06, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Xuân T và người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn L trình bày:

Ông Đào Xuân T và bà Nguyễn Thị P có quan hệ quen biết đồng hương với nhau. Năm 2017, ông T thu được một số tiền từ việc bán một số diện tích rẫy cà phê. Biết được việc này, bà P đã đề xuất nguyện vọng vay tiền và hứa hẹn sẽ trả lại ngay nên ông T đã tự mình quyết định cho bà P vay số tiền 609.000.000 đồng (sáu trăm linh chín triệu đồng) mà không tính lãi suất. Vì tình cảm và sự tin tưởng ở lời hứa trả ngay nên quá trình vay mượn không lập giấy

tờ, cứ có yêu cầu và có điều kiện thì ông T thu xếp chuyển cho vay hoặc trực tiếp bằng tiền mặt, hoặc bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng do bà P chỉ định. Số tiền 609.000.000 (Sáu trăm linh chín triệu) đồng này là kết quả của bảy lần chuyển khoản hợp pháp, có hóa đơn chứng từ với tổng số tiền **409.000.000** (Bốn trăm linh chín triệu) đồng và một lần trao trực tiếp bằng tiền mặt **200.000.000** (Hai trăm triệu) đồng, cụ thể các lần ông T chuyển tiền cho bà P như sau:

+ Tháng 10/2017: Chuyển số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng qua Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 4/12/2017: Chuyển số tiền 34.000.000 (Ba mươi tư triệu) đồng qua Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 29/12/2017: Chuyển số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng qua Ngân hàng HDbank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 11/01/2018: Chuyển số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng qua Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 15/01/2018: Chuyển số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng qua Ngân hàng Sacombank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 19/01/2018: Chuyển số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng qua Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 22/01/2018: Chuyển số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng qua Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã G, Đắk Nông.

+ Ngày 12/11/2017 dương lịch (Tức ngày 24/09/2017 âm lịch) tại nhà bà P ở thị trấn Đức Thọ, ông T đưa trực tiếp cho bà P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Sau khi số tiền vay nợ lên đến 609.000.000 (Sáu trăm linh chín triệu) đồng thì ngày 28/02/2018 (Âm lịch) hai bên mới lập văn bản chốt nợ là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và bà P hẹn đến ngày 28/5/2018 (Âm lịch) trả đủ số tiền trên.

Sau khi quá thời hạn trả nợ, ông T đã rất nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà P không chịu trả và có thái độ trốn tránh. Nay ông Đào Xuân T yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả nợ số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng ông T không yêu cầu.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bà P nhưng bà P không đến Tòa án tham gia tố tụng. Ngày 28/02/2020, Tòa án nhận được “Đơn xin phản tố” của bà P gửi qua đường bưu điện. Ngày 05/3/2020, Tòa án đã niêm yết thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng bà P có biểu hiện trốn tránh, không chịu đến Tòa án làm việc và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ nên không có cơ sở giải quyết yêu cầu của bà P.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì bà P không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án. Còn bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 6, Khoản 1, 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 96, Điều 102, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 146, Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đào Xuân T, buộc bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đào Xuân T số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về xác định tư cách đương sự: Trong vụ án này, tư cách đương sự được xác định như sau: Nguyên đơn ông Đào Xuân T; đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phạm Văn Lượng; bị đơn bà Nguyễn Thị P.

- Nguyên đơn ông Đào Xuân T ủy quyền cho ông Phạm Văn L tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Nguyễn Thị P, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả lại số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

Nguyên đơn Đào Xuân T căn cứ vào “Giấy vay tiền” ngày 18/02/2018 (Âm lịch) có chữ ký của bị đơn Nguyễn Thị P để khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, bà P có biểu hiện trốn tránh, không đến Tòa án để làm rõ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đã có Quyết định trưng cầu giám định số 01/2020/QĐ-TCGD ngày 20/3/2020, trưng cầu giám định đối với chữ ký của bị đơn Nguyễn Thị P trong giấy vay tiền giữa ông T và bà P. Ngày 24/3/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh có kết luận giám định số 11/PC09-NTT, kết luận chữ viết và chữ ký trong “Giấy vay tiền” ngày 18/02/2018 (Âm lịch) là của bà P. Ngày 14/02/2020, bà Nguyễn Thị P gửi “Đơn xin phản tố” tới Tòa án qua đường bưu điện, trong “Đơn xin phản tố”, bà P cho rằng bà có viết và ký vào “Giấy vay tiền” ngày 18/02/2018 (Âm lịch) nhưng dưới sự ép buộc của ông T cùng một số người khác. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định chính bà Nguyễn Thị P đã viết và ký vào “Giấy vay tiền” giữa ông Đào Xuân T và bà Nguyễn Thị P.

Ông Đào Xuân T trình bày quá trình vay mượn trước đây giữa ông T và bà P không lập giấy tờ, cứ có yêu cầu và có điều kiện thì ông T thu xếp chuyển cho vay hoặc trực tiếp bằng tiền mặt, hoặc bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng do bà P chỉ định. Sau khi số tiền vay lên đến 609 triệu đồng hai bên mới lập văn bản chốt nợ. Văn bản chốt nợ được lập dưới hình thức giấy vay tiền vào ngày 28/02/2018 (Âm lịch) tức là ngày 13/04/2018, chỉ ghi số tiền làm tròn là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Trong đó số tiền 409.000.000 (Bốn trăm lẻ chín triệu) đồng, ông T đã xuất trình được các hóa đơn chuyển tiền qua ngân hàng cho bà Nguyễn Thị P; còn đối với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, ông T khai rằng số tiền này ông T đưa trực tiếp cho bà P tại nhà bà P trong dịp ông T về thăm quê tại huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong “Giấy vay tiền” do bà P viết và ký tên cũng thừa nhận việc bà vay của ông T số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Xét thấy việc ông Đào Xuân T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông T số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền vay 9.000.000 (Chín triệu) đồng và tiền lãi suất ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị P:

“Đơn xin phản tố” của bà Nguyễn Thị P đề ngày 14/02/2020, có nội dung: Việc bà P nhận 315.000.000 (Ba trăm mười lăm triệu) đồng của ông T là do ông T hoàn toàn tự nguyện gửi cho bà P để bà P thực hiện nguyện vọng của ông T là bỏ chồng và mua đất làm nhà ở riêng, để ông T đi về ở với bà P như vợ chồng, nhưng bà P không đồng ý. Không đạt được ý định trên, ông T đã thuê xã hội đen cùng bố con ông T tới bắt bà P viết và ký vào “Giấy vay tiền” với số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Ông T còn thuê xã hội đen bắt bà P lên huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và thường xuyên đe dọa tính mạng, tài sản của gia đình bà P. Sau khi nhận được “Đơn xin phản tố” của bà Nguyễn Thị P gửi qua đường bưu điện, Tòa án đã tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng, ban hành và niêm yết thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định pháp luật, nhưng bà P không hợp tác, không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy, không đủ căn cứ để xác minh nội dung trong “Đơn xin phản tố”.

Xét thấy việc bà P có biểu hiện trốn tránh, không hợp tác, không lên Tòa án để tham gia các buổi làm việc. Căn cứ vào Điểm c, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải đình chỉ giải quyết đối với “Đơn xin phản tố” của bà Nguyễn Thị P.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] *Về chi phí giám định chữ ký*: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà P phải chịu chi phí giám định chữ ký, bà Nguyễn Thị P phải hoàn trả cho ông T chi phí giám định chữ ký với số tiền 2.040.000 (Hai triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 161, Điểm b,c Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm c Khoản 1.3, Điều 1, mục II Danh mục án phí, lệ phí tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân T.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho ông Đào Xuân T số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Đào Xuân T 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng, là số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005966 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về chi phí giám định chữ ký:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.040.000 (Hai triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng chi phí giám định chữ ký. Bà Nguyễn Thị P phải hoàn trả cho ông Đào Xuân T số tiền 2.040.000 (Hai triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng là chi phí giám định chữ ký.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn; bị đơn Nguyễn Thị P vắng mặt.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án..

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Thọ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn thư.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Huy Trọng